

Name: .....  
 Date: .../.../ 20...  
 Class: S6  
 Tel: 034 200 9294



Vocabulary: .....  
 Writing: .....  
 Listening: .....  
 Mini Test: .....

## TRAVEL VOCABULARY & WRITING INSTRUCTION

**Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

### A. VOCABULARY

| No. | New words                           | Meanings                           | No. | New words                        | Meanings                                                                 |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------|-----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>airplane schedule</b><br>(n.phr) | lịch trình máy bay                 | 9   | <b>voyage</b> (n)                | chuyến đi                                                                |
| 2   | <b>boarding pass</b><br>(n.phr)     | thẻ lên máy bay                    | 10  | <b>sailboat</b> (n)              | thuyền buồm                                                              |
| 3   | <b>baggage allowance</b> (n.phr)    | hàng lý miễn cước                  | 11  | <b>port</b> (n)                  | thị trấn hoặc thành phố có bến cảng, đặc biệt là nơi tàu bốc dỡ hàng hóa |
| 4   | <b>loyalty programme</b><br>(n.phr) | chương trình khách hàng thân thiết | 12  | <b>promote tourism image</b>     | quảng bá hình ảnh du lịch                                                |
| 5   | <b>promotion airfare</b><br>(n.phr) | giá vé máy bay khuyến mãi          | 13  | <b>do extreme sports</b>         | chơi những môn thể thao mạo hiểm                                         |
| 6   | <b>minicab</b> (n)                  | taxi phải đặt qua gọi điện thoại   | 14  | <b>go in the low/peak season</b> | đi vào mùa thấp điểm/cao điểm                                            |
| 7   | <b>high-speed train</b><br>(n.phr)  | tàu cao tốc                        | 15  | <b>breathtaking</b> (adj)        | ngạc mục                                                                 |
| 8   | <b>cruise ship</b> (n.phr)          | tàu du lịch                        | 16  | <b>picturesque</b> (adj)         | đẹp như tranh vẽ                                                         |

**\*Note:** *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *n.phr* = noun phrase: cụm danh từ

**\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

### B. HOMEWORK

#### I. Circle the correct answer.

0. We compared our product with the leading \_\_\_\_\_.  
 (A) brands                                      B. comp                                      C. butler
1. Check the airplane \_\_\_\_\_ to make sure you arrive at the airport on time.  
 A. ship                                      B. schedule                                      C. season
2. The view from the mountaintop was absolutely \_\_\_\_\_.  
 A. breathtaking                                      B. high-speed                                      C. loyalty
3. He loves to do \_\_\_\_\_ sports like skydiving and bungee jumping.  
 A. cruise                                      B. extreme                                      C. promotion
4. They prefer to go in the \_\_\_\_\_ season to enjoy all the summer activities.  
 A. boarding                                      B. baggage                                      C. peak



---

---

---

---

---

---

---

---

**Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

## Practice Test 2 • Listening

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://youtu.be/zAM8iQpnT9I>

### Part 2

 12 For each question, choose the correct answer.

- 8 You will hear two friends talking about a book they read.  
The girl thinks that the book
- A is too long.
  - B is not easy to understand.
  - C is worth reading again.
- 9 You will hear a boy telling a friend about his uncle.  
The boy thinks his uncle
- A has a lot of hobbies.
  - B is not very friendly.
  - C travels a lot.
- 10 You will hear two people talking about a friend.  
What do they say about him?
- A He is always late.
  - B He likes expensive things.
  - C He didn't come last week.
- 11 You will hear two friends talking about a school trip.  
The boy feels that
- A there wasn't enough to see at the museum.
  - B the trip was too long.
  - C they didn't spend long enough at the museum.
- 12 You will hear a girl telling a friend about her new home.  
How does the girl feel about it?
- A She thinks the neighbours are very noisy.
  - B She likes living in the city.
  - C She can't sleep in the new flat.
- 13 You will hear two friends talking about a new department store.  
They think the department store would be better if
- A there were more people working there.
  - B there was a better selection of items.
  - C the prices were lower.

**I. Rewrite the sentences, using REPORTED SPEECH.**

1. "My mum will pick me up." – he said.

→ He said that \_\_\_\_\_.

2. "We aren't ready yet." – they said.

→ They said that \_\_\_\_\_.

3. "Liz left at half past eight". – Adam says.

→ Adam says that \_\_\_\_\_.

4. "I'm feeling very tired." – Ella says.

→ Ella says that \_\_\_\_\_.

**II. Circle the correct answer.**

1. Don't forget to take the \_\_\_\_\_ out before the garbage truck comes.

A. rubbish

B. bed

C. media

2. My sister is an early \_\_\_\_\_ and enjoys the quiet of the morning for her yoga practice.

A. basis

B. owl

C. bird

3. It's important to work \_\_\_\_\_ regularly to maintain physical fitness.

A. off

B. up

C. out

4. Every morning, I \_\_\_\_\_ through social media to catch up on the latest news.

A. meditate

B. scroll

C. make

**Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

